

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Hiếu

Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Y, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, tổ B, khối C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Số D, ngõ E, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn V; sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, tổ B, khối C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Cạnh số A, tổ B, khối C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022, bản tự khai ngày 25/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị Y trình bày: Chị và anh Nông Văn V kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn ngày 22/10/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L,

tỉnh Lạng Sơn. Sau một thời gian chung sống thì giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị Chu Thị Y xác định không còn tình cảm với anh Nông Văn V nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn V.

Về con chung: Chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V có 02 con chung là Nông Quang A, sinh ngày 02/10/2002, hiện đã trưởng thành và Nông Anh D, sinh ngày 03/01/2008. Hiện các con chung đều đang ở với anh Nông Văn V. Đối với cháu Nông Quang A do đã trưởng thành nên chị Chu Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Nông Anh D khi ly hôn chị Chu Thị Y đề nghị anh Nông Văn V sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Anh D cho đến khi cháu Nông Anh D đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị Y sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nông Anh D đủ 18 tuổi. Hiện chị Chu Thị Y làm công việc tự do, thu nhập không ổn định nên chị sẽ cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nông Văn V, tại bản tự khai ngày 28/3/2022 và tại phiên tòa: Anh Nông Văn V xác định lời trình bày về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, chị Chu Thị Y nêu ra là đúng, đến thời điểm hiện tại anh Nông Văn V cũng xác định không còn tình cảm với chị Chu Thị Y. Anh Nông Văn V cũng nhất trí với đề nghị của chị Chu Thị Y về việc nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên anh Nông Văn V yêu cầu chị Chu Thị Y thực hiện việc cấp dưỡng nuôi cháu Nông Anh D số tiền 2.000.000đ/tháng và phải đưa tiền ngay một lần trước 02 năm thì anh Nông Văn V mới đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung là cháu Nông Anh D tại bản tự khai ngày 25/3/2022: Cháu Nông Anh D có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Nông Anh D muốn được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại công văn số 532/UBND, ngày 17/5/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Việc mâu thuẫn của gia đình anh Nông Văn V và chị Chu Thị Y, khối phố không biết, Hội phụ nữ, các đoàn thể và UBND thị trấn không nhận được tin báo nên không tổ chức hòa giải hoặc lập biên bản giải quyết. Anh Nông Văn V và chị Chu Thị Y có hộ khẩu thường trú tại khối C, thị trấn C từ năm 2005 đến nay. Nhưng qua trao đổi với khối phố, thì khoảng từ năm 2015 chị Chu Thị Y thường xuyên không sinh sống tại khối C, thị trấn C, còn anh Nông Văn V vẫn đang sinh sống tại khối C, thị trấn C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Chu Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn V; yêu cầu anh Nông Văn V là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là cháu Nông Anh D,

chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nông Văn V xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh yêu cầu chị Chu Thị Y phải cấp dưỡng ngay một lần 02 năm cho con chung thì anh mới đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định mối quan hệ tranh chấp; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp chứng cứ; việc thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự; việc tổng đạt các văn bản tố tụng; việc thông báo, thành phần, trình tự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát được thực hiện đúng theo Điều 28, 35, 68, 96, 97, 98, 99, 175, 177, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2001 tại UBND phường Đ, thành phố L nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh, chị không tìm được tiếng nói chung, quan điểm lối sống khác biệt nhau. Hiện anh V, chị Y đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, chị Y xác định không còn tình cảm, yêu cầu được ly hôn với V. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc để nuôi dạy con trưởng thành. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày chị Y và anh V xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện anh, chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, từ khi sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Vì thế, có kéo dài cuộc hôn nhân này thì cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng các Điều 19 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị xử cho chị Y được ly hôn với anh V. Chị Y và anh V có 02 con tên chung tên Nông Quang A, sinh ngày 02/10/2002 đã trưởng thành không yêu cầu tòa giải quyết, cháu Nông Anh D, sinh ngày 03/01/2008. Khi ly hôn chị Y đề nghị Nông Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Anh D cho đến khi đủ 18 tuổi, mỗi tháng 2.000.000đ, chị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh V và chị Y tự thỏa thuận việc sau khi ly hôn cháu Nông Anh D sẽ ở với bố. Mặc dù cháu Nông Anh D có nguyện vọng ở với mẹ nhưng do bố với mẹ đã thỏa thuận bố trực tiếp nuôi cháu D đến tuổi trưởng thành. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh V, cháu học tại trường trung học cơ sở thị trấn C đã quen với bạn bè, trường học, nên cần giao con cho anh V nuôi dưỡng để đảm bảo đảm ổn định trong sinh hoạt và học tập. Ngoài ra anh V yêu cầu chị Y phải

chuyển tiền cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng và phải cấp dưỡng 1 lần trước 02 năm. Tuy nhiên chị Y không đồng ý. Việc yêu cầu của anh V không phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay đối với chị Y bởi chị Y không có việc làm và thu nhập ổn định, anh V cũng không đưa ra được chứng cứ để yêu cầu chị Y cấp dưỡng trước 2 năm. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu Nông Anh D cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành là phù hợp. Chị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Chu Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 28/02/2022 chị Chu Thị Y gửi đơn xin ly hôn với anh Nông Văn V và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn vào 22/10/2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung tên là Nông Quang A, sinh ngày 02/10/2002 và Nông Anh D, sinh ngày 03/01/2008. Sau một thời gian chung sống thì 02 bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong thời gian chung sống chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V đã xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng không thể hòa hợp. Đến năm 2016 thì 02 bên bắt đầu sống ly thân nhau cho đến nay. Chị Chu Thị Y đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án và được Tòa án thụ lý vụ án vào ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại bản khai cũng như biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Tại Công văn số 532/UBND ngày 17/5/2022, Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết hiện nay anh Nông Văn V đang sinh sống tại địa phương, chị Chu Thị Y không sinh sống tại địa phương, do đó có cơ sở để xác định vợ chồng anh Nông Văn V, chị Chu Thị Y đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Chu Thị Y được ly hôn anh Nông Văn V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị Y và anh Nông Văn V có 02 con chung tên là Nông Quang A, sinh ngày 02/10/2002, hiện đã trưởng thành và Nông Anh D, sinh ngày 03/01/2008, hiện đang ở cùng anh Nông Văn V. Khi ly hôn chị Chu Thị Y yêu cầu anh Nông Văn V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nông Anh D. Xét thấy cháu Nông Anh D nay đang ở cùng anh Nông Văn V và đang học tại Trường trung học cơ sở thị trấn Cao Lộc nơi anh Nông Văn V đang sinh sống, để cuộc sống và việc học của con được đảm bảo, tránh gây sự xáo trộn ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Nông Anh D. Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Nông Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nông Anh D.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Chu Thị Y đề nghị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn V chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung của chị Chu Thị Y, tuy nhiên anh Nông Văn V yêu cầu chị Chu Thị Y thi hành một lần trước 02 năm thì anh Nông Văn V mới đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nông Văn V không đưa ra được căn cứ gì thể hiện việc chị Chu Thị Y có khả năng thi hành việc cấp dưỡng nuôi con một lần trước 02 năm. Cũng như căn cứ mức thu nhập bình quân đầu người/năm tại địa phương và hoàn cảnh hiện tại của chị Chu Thị Y thì chị Chu Thị Y làm công việc tự do, không có thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận đề nghị của chị Chu Thị Y. Chị Chu Thị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, cho đến khi cháu Nông Anh D đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[6] Về nợ chung và cho vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Chu Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Y, cho chị Chu Thị Y được ly hôn anh Nông Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Anh D, sinh ngày 03/01/2008 cho anh Nông Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; chị Chu Thị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Chu Thị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng/tháng), cho đến khi cháu Nông Anh D đủ 18 tuổi. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

4. Về án phí: Chị Chu Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001401, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thu ngày 07/3/2022, chị Chu Thị Y còn phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị Y, anh Nông Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ, thành phố L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính